TN CN 8

**Câu 1:** Đâu là tỉ lệ thu nhỏ trong các tỉ lệ sau?

A. 1 : 2 B. 5 : 1 C. 1 : 1 D. 5 : 2

**Câu 2:** Cách ghi kích thước nào sau đây là đúng?

A.  B.  C.  D. 

**Câu 3:** Tên các khổ giấy chính là:

A. A0, A1, A2 B. A0, A1, A2, A3 C. A3, A1, A2, A4 D. A0, A1, A2, A3, A4

**Câu 4:** Phát biểu nào sau đây **SAI**?

A. Nét liền mảnh biểu diễn đường gióng.

B. Nét liền đậm biểu diễn đường bao thấy.

C. Nét gạch dài chấm mảnh biểu diễn đường tâm.

D. Nét liền đậm biểu diễn đường trục đối xứng.

**Câu 5:** Đâu là kích thước của khổ giấy A1?

A. 1189 x 841 B. 841 x 594 C. 420 x 297 D. 297 x 210

**Câu 6:** Bản vẽ kĩ thuật là:

A. Các thông tin kĩ thuật được trình bày dưới dạng đồ họa theo một quy tắc thống nhất.

B. Các thông tin kĩ thuật được trình bày dưới dạng văn bản theo một quy tắc thống nhất.

C. Các thông tin kĩ thuật được trình bày dưới dạng đồ họa.

D. Các thông tin kĩ thuật được trình bày dưới dạng văn bản.

**Câu 7:** Phát biểu nào sau đây về đường kích thước là đúng?

A. Đường kích thước thẳng đứng, con số kích thước ghi bên phải.

B. Đường kích thước nằm ngang, con số kích thước ghi bên trên.

C. Đường kích thước nằm nghiêng, con số kích thước ghi bên dưới.

D. Ghi kí hiệu R trước con số chỉ kích thước đường kính đường tròn.

**Câu 8:** Vị trí các hình chiếu trên bản vẽ được biểu diễn là:

A. Hình chiếu bằng ở dưới hình chiếu đứng, hình chiếu cạnh ở bên phải hình chiếu đứng.

B. Hình chiếu bằng ở trên hình chiếu đứng, hình chiếu cạnh ở bên trái hình chiếu đứng.

C. Hình chiếu cạnh ở bên phải hình chiếu đứng, hình chiếu bằng ở bên trái hình chiếu đứng.

D. Hình chiếu đứng ở dưới hình chiếu bằng, hình chiếu cạnh ở bên phải hình chiếu bằng.

**Câu 9:** Khối tròn xoay được biểu diễn bởi bao nhiêu hình chiếu?

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

**Câu 10:** Khối đa diện được biểu diễn bởi bao nhiêu hình chiếu?

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

**Câu 11:** Điểm A của vật thể có hình chiếu là điểm A’ trên mặt phẳng. Vậy A A’ gọi là:

A. Đường thẳng chiếu B. Tia chiếu C. Đường chiếu D. Đoạn chiếu

**Câu 12:** Hình chiếu đứng của hình hộp chữ nhật có hình dạng:

A. Hình vuông B. Hình lăng trụ C. Hình tam giác D. Hình chữ nhật

**Câu 13:** Khi đọc bản vẽ chi tiết, phải đọc nội dung gì trước?

A. Hình biểu diễn B. Kích thước C. Yêu cầu kĩ thuật D. Khung tên

**Câu 14:** Bản vẽ chi tiết thuộc:

A. Bản vẽ cơ khí B. Bản vẽ xây dựng C. Bản vẽ lắp D. Bản vẽ nhà

**Câu 15:** Phần nào trong bản vẽ thể hiện đầy đủ hình dạng của chi tiết?

A. Khung tên B. Hình biểu diễn C. Kích thước D. Yêu cầu kĩ thuật

**Câu 16:** Phần kích thước trong bản vẽ chi tiết dùng để làm gì?

A. Dùng để chế tạo chi tiết máy. B. Dùng để kiểm tra chi tiết máy.

C. Dùng để chế tạo và kiểm tra chi tiết máy. D. Dùng để thể hiện hình dạng chi tiết máy.

**Câu 17:** Hình biểu diễn của bản vẽ chi tiết gồm:

A. Hình chiếu. B. Hình chiếu đứng, hình chiếu bằng và hình chiếu cạnh.

C. Hình cắt. D. Hình chiếu và hình cắt, ... tùy thuộc vào từng bản vẽ.

**Câu 18:** Đâu là nội dung của bản vẽ lắp?

A. Khung tên, bảng kê, hình biểu diễn, kích thước.

B. Khung tên, hình biểu diễn, kích thước, yêu cầu kĩ thuật.

C. Khung tên, các hình biểu diễn, kích thước.

D. Khung tên, bảng kê, hình biểu diễn, kích thước, yêu cầu kĩ thuật.

**Câu 19:** Trình tự đọc bản vẽ lắp là:

A. Hình biểu diễn → Khung tên → Bảng kê → Kích thước → Phân tích chi tiết → Tổng hợp.

B. Khung tên → Bảng kê → Kích thước → Hình biểu diễn → Phân tích chi tiết →Tổng hợp.

C. Khung tên → Bảng kê → Hình biểu diễn → Kích thước → Phân tích chi tiết → Tổng hợp.

D. Khung tên → Kích thước → Bảng kê  → Hình biểu diễn → Phân tích chi tiết →Tổng hợp.

**Câu 20:** Bản vẽ lắp không có nội dung nào so với bản vẽ chi tiết?

A. Hình biểu diễn. B. Yêu cầu kĩ thuật. C. Kích thước. D. Khung tên.